

Bản án số: 127/2018/DS-PT

Ngày: 19/9/2018

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất,
hủy hợp đồng tặng cho quyền sử
dụng đất và hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Thái Văn Đoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100B/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1942. Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Minh T3, sinh năm: 1958. Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1954. Trú tại: tỉnh Bình Định.

3.3. Chị **Nguyễn Thị Diệu M**, sinh năm: 1987. Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.4. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C là chị **Nguyễn Thị Diệu M**, sinh năm 1987.

3.5. Anh **Nguyễn Anh T4**, sinh năm: 1973. Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.6. Chị **Nguyễn Thị Kim T5** (tên gọi khác Nguyễn Thị Mỹ L), sinh năm: 1967. Trú tại: tỉnh Đồng Nai.

3.7. Bà **Võ Thị Thu T6**, sinh năm: 1966.

3.8. Anh **Nguyễn Nhật N**, sinh năm 1986

Cùng trú tại: tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông Nguyễn Văn Minh T3, bà Nguyễn Thị Lan, chị Nguyễn Thị Diệu M, anh Nguyễn Anh T4, chị Nguyễn Thị Kim T5, bà Võ Thị Thu T6 và anh Nguyễn Nhật N là bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1951 (Theo các văn bản ủy quyền ngày 19/02/2013 và 22/02/2013)

3.9. Chị **Nguyễn Thị Kim T1**, sinh năm: 1971.

3.10. Chị **Nguyễn Thị Kim T2**, sinh năm: 1975.

Cùng trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.11. Anh **Nguyễn Anh V**, sinh năm 1960. Trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3.12. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn ông Nguyễn Văn Minh T, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị Diệu M, anh Nguyễn Anh T, chị Nguyễn Thị Kim T5, bà Võ Thị Thu T6 và anh Nguyễn Nhật N trình bày:

Ông nội bà là cố Nguyễn X (chết năm 1940) và cố Tạ Thị X (chết năm 1968) sinh được hai người con là cụ Nguyễn Văn P và cụ Nguyễn Thị M.

Cụ Nguyễn Thị M (chết năm 1996, có chồng chết năm nào không rõ) có con là ông Nguyễn N (chết năm 2013, không có vợ con).

Cụ Nguyễn Văn P (chết năm 1965) và vợ là cụ Võ Thị T7 (chết năm 2003) có 05 người con:

- Ông Nguyễn Văn K (chết năm 2006), có vợ thứ nhất là bà Võ Thị M (chết năm 1984) và vợ hai là bà Nguyễn Thị C (chết năm 2013), 05 người con là chị Nguyễn Thị Diệu M, chị Nguyễn Thị Kim T5, chị Nguyễn Thị Kim T2, chị Nguyễn Thị Kim T1 và anh Nguyễn Anh T4;

- Ông Nguyễn Văn Minh T3;

- Ông Nguyễn Văn D (chết năm 2007, có vợ là Võ Thị Thu T6 và con Nguyễn Nhật Năm);

- Bà Nguyễn Thị L;

- Bà Nguyễn Thị T.

Cố X và cố X chết để lại di sản là thửa đất số 780 có diện tích 6.531m² tại thị xã Q (nay là thành phố Q). Năm 1960, chính quyền chế độ cũ mượn 1/3 diện tích thửa đất số 780 để làm bệnh viện (nay là Bệnh viện B21). Diện tích đất còn lại, năm 1961 cố X xây dựng hai dãy nhà cho thuê. Năm 1964, Ty điện địa Quảng Ngãi đo đạc lại thửa đất số 780 và biến động thành 02 thửa là thửa số 111 và 222. Thửa đất số 222 gia đình bà đang quản lý và có một số hộ thuê đang chiếm giữ, còn thửa đất số 111 là Bệnh viện B21 ngày nay.

Sau khi ông, bà nội và cha bà chết thì mẹ bà là cụ Võ Thị T7 thừa hưởng tài sản nhà đất. Năm 1975, vợ chồng ông Nguyễn Ngọc P và bà Trần Thị P thuê một căn nhà của mẹ bà, sau đó vợ chồng ông P và bà P mua xác nhà và chỉ còn thuê đất. Ngày 08/6/1976, bà P làm hợp đồng thuê 36m² đất và trả tiền thuê đến năm 1983 thì không trả tiền thuê nữa. Trong quá trình sinh sống, vợ chồng ông P lấn chiếm đất xung quanh của mẹ bà là 28,8m². Năm 1987, mẹ bà là cụ T khiếu nại đến ủy ban nhân dân phường, tại phiên hòa giải cụ T đồng ý bán cho ông Nguyễn Ngọc P 3,85m² đất có viết giấy thỏa thuận. Năm 1997, vợ chồng ông P nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn An C, bà Nguyễn Thị Thiên L một ngôi nhà gắn với diện tích đất 90m² (phần đất này năm 1977 mẹ bà bán cho ông Bùi S 60m², sau đó vợ chồng ông C mua lại của ông S và lấn chiếm thêm 30m² đất của cha mẹ bà nên thành 90m²). Sau khi nhận chuyển nhượng nhà đất của vợ chồng ông C, vợ chồng ông P tháo dỡ nhà mua của ông C nhập vào diện tích đất thuê và đất lấn chiếm của mẹ bà thành 154,8m² (36m² + 28,8m² + 90m²). Năm 2003, bà P chết, năm 2007 ông P được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 24, phường T, diện tích 154,8m². Đất là của bà vì Nhà nước không có quyết định quản lý đối với diện tích đất này, mẹ bà đóng thuế đến năm 1993. Năm 1997, mẹ bà khiếu nại đến phường để đòi đất thuê. Năm 2003, ông P mới nộp thuế đối với phần đất đã mua của ông C, bà L.

Năm 2008, ông P đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng 32,8m² thuộc thửa đất số 24, phường T cho anh Nguyễn Anh V.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả cho bà 60,95m² đất (trong đó đất thuê 36m² và đất lấn chiếm 24,95m²) nằm trong thửa đất số 24, tờ bản đồ số 17, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 32,8m² giữa ông Nguyễn Ngọc P với anh Nguyễn Anh V và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02771 thửa đất số 197, tờ bản đồ 17, diện tích 32,8m² tại tổ 6, phường T, thành phố Q do ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 15/12/2008 đứng tên anh Nguyễn Anh V.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01950 thửa đất số 24, tờ bản đồ số 17, diện tích 154,8m² tại tổ 6, phường T, thành phố Q do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 25/12/2007 đứng tên ông Nguyễn Ngọc P.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc P trình bày:

Ngày 05/5/1969, vợ chồng ông thuê của cụ T là mẹ của bà T diện tích 36m² đất có lập Giấy cho mượn đất, vợ chồng ông đã làm nhà tạm bằng ván ép và tôn. Vì gia đình đông người mà diện tích nhỏ không đủ sinh hoạt nên năm 1972, vợ chồng ông thuê thêm 27m² đất trống liền kề để coi nói thêm nhà, việc thuê thêm có ghi thêm vào mặt sau Giấy cho mượn đất, như vậy diện tích thuê tổng cộng 63m².

Năm 1984, Nhà nước yêu cầu đăng ký, kê khai, nộp thuế đất nên ông đã kê khai nộp thuế đất cho Nhà nước và không trả tiền thuê đất cho cụ T nữa. Năm 1987, gia đình cụ T khiếu nại đến ủy ban nhân dân phường về việc gia đình ông lấn chiếm nên gia đình ông đã lập Giấy thỏa thuận mua của cụ T 3,85m². Năm 1997, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn An C, bà Nguyễn Thị Thiên L một ngôi nhà gắn với diện tích đất 90m², hai phần này nằm cạnh nhau. Năm 2007, ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 24, phường T, diện tích 154,8m²

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, năm 2008 ông đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, cho anh Nguyễn Anh V 32,8m² thuộc thửa đất số 24, phường T và anh Việt đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 197, tờ bản đồ số 17, phường T.

Do đó, ông không đồng ý theo đơn khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim T2, Nguyễn Thị Kim T1 trình bày:

Hai chị là con ông Nguyễn Văn K, ông K chết các chị thừa kế quyền lợi, nghĩa vụ của ông K, trước đây các chị có ủy quyền cho bà T làm người đại diện nhưng nay hai chị không ủy quyền cho bà T, các chị không tranh chấp với ông P

và không yêu cầu gì. Sau khi thụ lý lại vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Thu và chị Thanh đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng hai chị không chấp hành. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của hai chị sau khi vụ án được thụ lý lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh V:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Việt đến Tòa án để Tòa án làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông Việt không chấp hành mà không có lý do. Do đó, trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của ông Việt.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Q, ông Trần Thanh Hùng trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01950 thửa đất số 24, tờ bản đồ số 17, diện tích 154,8m² tại tổ 6, phường T, thành phố Q do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 25/12/2007 đứng tên ông Nguyễn Ngọc P là đảm bảo theo đúng nội dung tại bản án số 38/2007/DSPT ngày 23/3/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và văn bản trả lời số 274/THA ngày 24/9/2008 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 14/11/2008 ông Nguyễn Ngọc P tách một phần diện tích thửa đất số 24, tờ bản đồ số 17 và lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Anh V theo hợp đồng tặng cho số 607/quyển số 01.Tp/CC-SCT/HĐGD tại Ủy ban nhân dân phường T.

Ngày 17/11/2008, ông Nguyễn Anh V nộp hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất.

Ngày 08/12/2008, Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02771 thửa đất số 197, tờ bản đồ 17, diện tích 32,8m² tại tổ 6, phường T, thành phố Q cho ông Nguyễn Anh V, tại thời điểm chuyển nhượng không có tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

1. Áp dụng khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; mục 6 phần I Chính sách quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nhà, đất cho thuê ở các đô thị các tỉnh phía Nam ban hành theo Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ; khoản 2 Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

2. Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T giá trị của diện tích 24,95m² đất hiện nay thuộc hai thửa đất số 24 và 197, tờ bản đồ số 17 phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi là 117.115.300 đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm mười lăm nghìn ba trăm đồng).

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả 36m² đất hiện nay thuộc hai thửa đất số 24 và 197, tờ bản đồ số 17 phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 14/11/2008 giữa ông Nguyễn Ngọc P với ông Nguyễn Anh V và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02771 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 15/12/2008 cho ông Nguyễn Anh V đối với thửa đất số 197, tờ bản đồ 17, diện tích 32,8m² tại tổ 6, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2.4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO 1950 do Ủy ban nhân dân thành phố Q cấp ngày 25/12/2007 cho hộ ông Nguyễn Ngọc P đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ số 17, diện tích 154,8m² tại tổ 6, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; chi phí trưng cầu giám định; chi phí định giá, thẩm định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ; quyền, nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/9/2017, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T (sau đây gọi là Nguyên đơn) kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo hướng: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả lại cho nguyên đơn toàn bộ diện tích đất 60,95 m² (trong đó: đất thuê 36m²; đất lấn chiếm 24,95m²).

Tại phiên tòa, Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của Nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung và căn cứ kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý

kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc P là bị đơn, Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị T) yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả lại cho nguyên đơn toàn bộ diện tích đất 60,95 m² (trong đó: Đất thuê 36m²; đất lấn chiếm 24,95m²) thì thấy:

[2.1]. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có 36m² đất mà nguyên đơn đã cho bị đơn thuê từ trước năm 1975. Mục 6, mục 7 phần 1 Chính sách đối với nhà đất, cho thuê (*Ban hành theo Quyết định của Hội đồng Chính phủ số 111/CP ngày 14/4/1977*) quy định: “ **6. Nhà nước trực tiếp quản lý toàn bộ đất cho thuê không phân biệt diện tích nhiều hay ít và nói chung không bồi hoàn, trừ trường hợp đặc biệt; 7. Người đang thuê đất được phép sử dụng mà không được mua bán, chuyển dịch và phải tuân theo những quy định về quản lý nhà đất ở đô thị** ”. Theo quy định được trích dẫn ở trên thì diện tích đất 36m² mà cụ Võ Thị T7 (mẹ của bà T) cho vợ chồng ông Trần Ngọc P thuê từ trước năm 1975, sau năm 1975 vợ chồng ông P vẫn sử dụng diện tích đất này nên Bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả 36m² đất mà mẹ bà đã cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc P thuê từ trước năm 1975 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật đã được trích dẫn ở trên. Kháng cáo của bà yêu cầu ông P phải trả lại 36m² đất là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2]. Đối với diện tích đất 24,95m² đất ông Nguyễn Ngọc P lấn chiếm, nguyên đơn yêu cầu được trả lại quyền sử dụng đất thì thấy: Diện tích đất lấn chiếm thực tế hiện nay nằm trên 2 thửa đất: Một phần diện tích nằm trong thửa 24, tờ bản đồ số 17 hiện nay vợ chồng ông Nguyễn Ngọc P đang quản lý sử dụng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007 theo quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2007/DSPT ngày 23/3/2007 của Tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng; một phần diện tích nằm trong thửa 197 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO 2771 ngày 15/12/2008 cho anh Nguyễn Anh V. Anh Nguyễn Anh V nhận tặng cho quyền sử dụng đất ngay tình nên quyền lợi về quyền sử dụng đất của anh Việt được bảo vệ theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2005. Bản án sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả lại giá trị quyền sử dụng 24,95 m² đất cho bà Nguyễn Thị T là có căn cứ, phù hợp với thực tế đang sử dụng đất của cả hai bên. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị T về nội dung này cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Kháng cáo không được chấp nhận nhưng Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án nên nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyên đơn (bà Nguyễn Thị T). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Áp dụng: Mục 6, mục 7 phần I Chính sách đối với nhà, đất cho thuê Ban hành kèm theo Quyết định số 111/CP ngày 14/4/1977 của Hội đồng Chính phủ; Khoản 2 Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T 117.115.300 đồng của giá trị quyền sử dụng 24,95m² đất thuộc 2 thửa đất số 24 và số 197 tờ bản đồ số 17, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông Nguyễn Ngọc P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị T quyền sử dụng 36m² đất hiện nay thuộc 2 thửa số 24 và số 197 tờ bản đồ số 17, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm và Quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, quy định về thi hành án, chậm thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến